21001519

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ — Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Khoa học trái đất** Mã học phần: **GEO00002**

Lớp: **20CMT1** Ngày thi: **27/04/2021** Giờ thi: **13:30** Phòng thi: **F104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
76	20220031	Phạm Đỗ Thành	Đạt				●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
77	20220032	Phạm Thành	Đạt		Đạt	7,0	v	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○	
78	20220033	Trần Bình	Định		Định	7,5	v	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	●	
79	20220035	Phan Thị Hương	Giang		Giang	2,0	v	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
80	20220037	Lê Võ Trung	Hiếu		Hiếu	2,5	v	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	●	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Vĩnh Tùng ..... Chữ ký:	Họ, tên: Hoàng Chí Phương Chi	Họ, tên:
2) Nguyễn Anh Linh Thư ..... Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

21001529

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ **Học kỳ: 2/20-21**

Tên học phần: **Khoa học trái đất** Mã học phần: **GEO00002**

Lớp: **20KMT1** Ngày thi: **27/04/2021** Giờ thi: **13:30** Phòng thi: **F205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
1	1711164	Nguyễn Lê Bảo	Minh			3,0	v	2	○	
2	1714414	Lăng Thị	Vui				●		○	
3	18170076	Nguyễn Văn Bảo	Ngọc			2,0	v	1	○	
4	18170113	Nguyễn Minh	Thuỳ			2,5	v	1	●	
5	19220088	Nguyễn Hoài	Bảo			3,5	v	2	●	
6	20110017	Hoàng Thái Bình	An			6,5	v	5	●	
7	20110116	Vũ Thiên	Ý			8,5	v	7	●	
8	20110197	Võ Đặng Nguyễn	Hưng			4,0	v	3	○	
9	20110249	Phạm Thanh	Ngân			4,5	v	3	●	
10	20120076	Mai Vinh	Hiển			3,5	v	2	●	
11	20120077	Nguyễn Quang	Hiển			8,5	v	7	●	
12	20120099	Trần Huỳnh	Hương			9,0	v	8	○	
13	20120142	Phan Thị Kim	Ngân			8,0	v	7	○	
14	20120166	Nguyễn Dương Tuấn	Phương			9,0	v	8	○	
15	20120218	Nguyễn Đình	Trí			4,5	v	3	●	
16	20120227	Tôn Cao Thiện	Trung			8,5	v	7	●	
17	20120354	Đặng Huỳnh Cửu	Quân			6,0	v	5	○	
18	20120625	Trần Thế	Vĩ			10,0	v	9	○	
19	20170009	Châu Bữu	Kha			5,5	v	4	●	
20	20170012	Huỳnh Đoàn Khánh	Linh			3,5	v	2	●	
21	20170016	Lê Đặng Quỳnh	Như			6,0	v	5	○	
22	20170029	Châu Thị	Sapi			5,5	v	4	●	
23	20170030	Điền Đức	Anh			3,5	v	2	●	
24	20170033	Trần Quốc	Bảo			2,0	v	1	○	
25	20170035	Nguyễn Thị Bảo	Châu			6,5	v	5	●	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Tiến Anh Huy Chữ ký: TRƯỜNG HỮU NGẠN THY	Họ, tên: Hoàng Thị Phương Chi	Họ, tên:
2) Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

21001530

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Khoa học trái đất** Mã học phần: **GEO00002**

Lớp: **20KMT1** Ngày thi: **27/04/2021** Giờ thi: **13:30** Phòng thi: **F205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
26	20170036	Nguyễn Bảo	Chi			7,0	v	6		
27	20170039	Nguyễn Thành	Đạt							
28	20170040	Tăng Thị Thúy	Diệp			6,5	v	5		
29	20170042	Đặng Vũ Thành	Được							
30	20170043	Huỳnh Hồng	Duyên			2,0	v	1		
31	20170044	Nguyễn Ngọc Mỹ	Duyên			7,5	v	6		
32	20170045	Lê Thanh	Hải			3,5	v	2		
33	20170046	Phùng Duy	Hải			3,0	v	2		
34	20170047	Phạm Thị Ngọc	Hân			1,5	v	0		
35	20170049	Đỗ Trần Thiên	Huế			1,0	v	0		
36	20170050	Nguyễn Tấn	Hưng			3,5	v	2		
37	20170051	Nguyễn Trung	Kiên							
38	20170053	Ngô Thị Thùy	Linh			2,0	v	1		
39	20170054	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh			1,5	v	0		
40	20170055	Nguyễn Tài	Linh			7,0	v	6		
41	20170056	Nguyễn Thị Hà	Linh			2,5	v	1		
42	20170059	Nguyễn Thành	Luân							
43	20170060	Huỳnh Thị Trúc	Ly			3,0	v	2		
44	20170065	Nguyễn Thị Trà	My			7,5	v	6		
45	20170066	Nguyễn Trần Hải	My			2,0	v	1		
46	20170067	Đặng Cao Thảo	Na			3,5	v	2		
47	20170068	Nguyễn Hoàng	Nam			8,0	v	7		
48	20170071	Trần Phương	Nga			8,5	v	7		
49	20170072	Bùi Tuệ	Nghi			6,0	v	5		
50	20170075	Phạm Song Bảo	Ngọc			2,0	v	1		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Trần Anh Thy Chữ ký: TRƯƠNG HỮU NGÂN THY 2) Chữ ký:	Họ, tên: Hoàng Phi Phương Chi Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:

21001531

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ **Học kỳ: 2/20-21**

Tên học phần: **Khoa học trái đất** Mã học phần: **GEO00002**

Lớp: **20KMT1** Ngày thi: **27/04/2021** Giờ thi: **13:30** Phòng thi: **F205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
51	20170077	Lê Thảo	Nguyên			7,5	v	7	●	
52	20170078	Đặng Thị Ngọc	Nhi			3,5	v	3	●	
53	20170079	Lê Thị Quỳnh	Như			3,5	v	3	●	
54	20170080	Nguyễn Đỗ Quỳnh	Như			8,5	v	8	●	
55	20170083	Nguyễn Minh	Nhựt			3,0	v	3	○	
56	20170086	Ngô Đình	Phúc				●		○	
57	20170087	Nguyễn Thị Quí	Phụng			2,0	v	2	○	
58	20170089	Lâm Mỹ	Quân			4,0	v	4	○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: TRƯƠNG HỮU NGÂN THY 1)..... Chữ ký: 2) Nguyễn Tiến Anh Thư Chữ ký:	Họ, tên: Hoàng Chi Phương Chi Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:

21001513

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Khoa học trái đất** Mã học phần: **GEO00002**

Lớp: **20CMT1** Ngày thi: **27/04/2021** Giờ thi: **13:30** Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
1	20220038	Thân Hữu Minh	Hòa			2,0	v	2	○	
2	20220039	Đào Ngọc Cẩm	Hồng			3,0	v	3	○	
3	20220040	Nguyễn Lương Gia	Huy			8,0	v	8	○	
4	20220041	Nguyễn Vũ Gia	Huy			2,0	v	2	○	
5	20220042	Mai Ngọc	Huyền			7,5	v	7	●	
6	20220043	Lê Tấn	Khánh			5,5	v	5	●	
7	20220044	Nguyễn Đào Anh	Khoa			3,0	v	3	○	
8	20220045	Nguyễn Tuấn	Kiệt			7,0	v	7	○	
9	20220046	Trần Nhật	Linh			6,0	v	6	○	
10	20220047	Lý Thành	Long			5,0	v	5	○	
11	20220048	Vũ Bảo	Long			2,5	v	2	●	
12	20220049	Trần Thị Kiều	Mi			7,5	v	7	●	
13	20220050	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc			5,0	v	5	○	
14	20220051	Thái Nguyễn Minh	Ngọc			7,5	v	7	●	
15	20220053	Nguyễn Hoàng Thanh	Như			4,5	v	4	●	
16	20220054	Phan Quỳnh	Như			7,0	v	7	○	
17	20220055	Lâm Tuyết	Nhung			8,0	v	8	○	
18	20220057	Đoàn Nhất	Phi				●		○	
19	20220058	Trần Vinh	Phúc			2,0	v	2	○	
20	20220059	Nguyễn Duy	Phùng			5,5	v	5	●	
21	20220060	Trần Quang	Phụng			8,5	v	8	●	
22	20220061	Nguyễn Minh	Phước			2,0	v	2	○	
23	20220062	Trần Ngọc	Phước			2,0	v	2	○	
24	20220064	Trần Duy	Quang			3,0	v	3	○	
25	20220065	Nguyễn Anh	Quý			7,0	v	7	○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Trần Kim Ngọc Chữ ký:	Họ, tên: Hoàng Thị Phương Chi	Họ, tên:
2) Lê Duy Bố Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

21001514

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Khoa học trái đất** Mã học phần: **GEO00002**

Lớp: **20CMT1** Ngày thi: **27/04/2021** Giờ thi: **13:30** Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
26	20220066	Trần Thị Tú	Quyên			6,0	v	6		
27	20220067	Phạm Thị Ngọc	Quyền			3,5	v	3	●	
28	20220069	Đặng Tấn	Tài			6,0	v	6		
29	20220070	Nguyễn Thiên	Tài			7,0	v	7		
30	20220071	Nguyễn Chí	Tâm			4,0	v	4		
31	20220072	Võ Minh	Tân			7,0	v	7		
32	20220074	Nguyễn Đức	Thành			6,0	v	6		
33	20220075	Nguyễn Đào Phương	Thảo			2,5	v	2	●	
34	20220076	Trần Thị Thu	Thảo			6,0	v	6		
35	20220077	Trương Ngọc Phương	Thảo			6,0	v	6		
36	20220078	Nguyễn Thị Đăng	Thi			5,0	v	5		
37	20220079	Lê	Thiên				●			
38	20220080	Lê Chí	Thiện			6,0	v	6		
39	20220081	Lê Hữu	Thiện				●			
40	20220082	Trương Thị Kim	Thoa				●			
41	20220083	Cao Thị Nhật	Thương			4,5	v	4	●	
42	20220084	Nguyễn Thị Diệu	Thùy			6,0	v	6		
43	20220085	Nguyễn Phạm Phương	Thy			6,0	v	6		
44	20220087	Nguyễn Khánh	Trang			4,5	v	4	●	
45	20220089	Nguyễn Thùy	Trang			6,0	v	6		
46	20220092	Trần Công	Trứ			2,0	v	2		
47	20220093	Nguyễn Thị	Trúc			3,5	v	3	●	
48	20220094	Nguyễn Thị Thanh	Trúc			3,5	v	3	●	
49	20220096	Phan	Trường			2,5	v	2	●	
50	20220098	Nguyễn Thái	Tuấn			2,5	v	2	●	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Bùi Nguyễn Ngọc Chữ ký: 2) Lê Duy Bố Chữ ký:	Họ, tên: Hoàng Thị Phương Chi Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:

21001515

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Khoa học trái đất** Mã học phần: **GEO00002**

Lớp: **20CMT1** Ngày thi: **27/04/2021** Giờ thi: **13:30** Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
51	20220099	Phan Thị Bích	Tuyền			4,0		4		
52	20220100	Nguyễn Công	Ty			6,0		6		
53	20220101	Cao Ngọc Thảo	Uyên			6,0		6		
54	20220102	Đào Thị Thu	Vân				●			
55	20220103	Nguyễn Hoàng Thanh	Ý			2,5		2	●	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Trần Thị Ngọc Chữ ký:	Họ, tên: Hoàng Thị Phương Chi	Họ, tên:
2) Lê Duy Bảo Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

21001539

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Cơ sở khoa học chất rắn** Mã học phần: **MSC10004**

Lớp: **19KVL1** Ngày thi: **27/04/2021** Giờ thi: **10:15** Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
1	19190004	Huỳnh Hà Ngọc	Duy			8,5	v	8	●	
2	19190007	Hoàng Phan Minh	Tâm			8,0	v	8	○	
3	19190009	Lê Thị Thảo	Trinh			9,0	v	9	○	
4	19190012	Nguyễn Tuấn	An			9,5	v	9	●	
5	19190013	Phạm Thị Ngọc	Anh			9,0	v	9	○	
6	19190015	Phan Ngọc	Ánh			7,0	v	7	○	
7	19190017	Nguyễn Đức	Bấu			6,5	v	6	●	
8	19190028	Võ Thị Thùy	Dương			8,5	v	8	●	
9	19190033	Đoàn Nhật	Giang			10	v	10	○	
10	19190066	Hồ Quảng	Luân			3,0	v	3	○	
11	19190069	Nguyễn Bùi Gia	Mẫn			8,0	v	8	○	
12	19190077	Nguyễn Thị Trịnh	Nghi			5,0	v	5	○	
13	19190090	Hạ Phan Phượng Hoàng	Oanh			9,0	v	9	○	
14	19190112	Phan Đình	Thanh				●		○	
15	19190114	Nguyễn Hoàng Nhật	Thảo			8,0	v	8	○	
16	19190115	Nguyễn Thanh	Thảo			9,0	v	9	○	
17	19190116	Trần Thị Thu	Thảo			8,0	v	8	○	
18	19190126	Nguyễn Thị Việt	Trinh			8,0	v	8	○	
19	19190133	Lê Thị Kiều	Vân			10	v	10	○	
20	19190134	Lê Thị Thanh	Vân			9,5	v	9	●	
21	19190137	Võ Tuấn	Vũ			9,0	v	9	○	
22	19190139	Lê Huỳnh Hải	Yến			6,0	v	6	○	
23	19190140	Nguyễn Thị Ngọc	Yến			7,5	v	7	●	
24	19190142	Trần Thị Thúy	Ái			5,0	v	5	○	
25	19190143	Đoàn Thị Khánh	An			8,0	v	8	○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Duy Đức Chữ ký:	Họ, tên: Hoàng Văn Dũng	Họ, tên:
2) Đoàn Thị Khánh An Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

21001540

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ **Học kỳ: 2/20-21**

Tên học phần: **Cơ sở khoa học chất rắn** Mã học phần: **MSC10004**

Lớp: **19KVL1** Ngày thi: **27/04/2021** Giờ thi: **10:15** Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
26	19190144	Đỗ Thảo	Anh			10		10		
27	19190146	Phùng Thị Ngọc	Anh			7,0		7		
28	19190147	Phạm Thị	Bằng			7,5		7	●	
29	19190150	Cao Thị Thanh	Bình			8,5		8	●	
30	19190151	Huỳnh Ngọc	Công			6,0		6		
31	19190159	Lê Khánh	Duy			5,5		5	●	
32	19190161	Nguyễn Ngọc	Duy				●			
33	19190162	Phạm Thị Thu	Giang			10		10		
34	19190166	Đặng Quốc	Hào			8,5		8	●	
35	19190168	Trần Công	Hiển			10		10		
36	19190171	Võ Thị Thanh	Hoài			9,0		9		
37	19190175	Lại Lê	Hương			7,0		7		
38	19190176	Trần Thị	Hương			9,0		9		
39	19190177	Trần Thị Quỳnh	Hương			7,0		7		
40	19190178	Bùi Quang Vũ	Huy			6,0		6		
41	19190179	Tạ Bùi Đức	Huy			9,5		9	●	
42	19190180	Trần Đăng	Huy			9,0		9		
43	19190183	Nguyễn Ngọc Phương	Khanh			10,0		10		
44	19190186	Lê Nguyễn Phúc	Khiêm			2,0		2		
45	19190187	Ngô Vĩnh	Khoa			9,5		9	●	
46	19190190	Trần Văn	Khương			8,0		8		
47	19190193	Nguyễn Tường	Linh			7,0		7		
48	19190198	Lê Diệu Phương	Mai			6,0		6		
49	19190199	Lương Hiền	Minh			3,0		3		
50	19190201	Nguyễn Trà	My			9,0		9		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Huỳnh S. Thị Kim Tuyến Chữ ký: 2) Trần T. Thu Trang Chữ ký:	Họ, tên: Hoàng Văn Dũng Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:

21001817

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Các nguyên tố chuyển tiếp và không chuyển tiếp** Mã học phần: **MSC10006**

Lớp: **19KVL1** Ngày thi: **29/04/2021** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
1	1619067	Lê Trung	Hiếu			8.5		8.5		
2	1719048	Nguyễn Thị Mai	Ghi			1.0		1.0		
3	1719064	Trần Nguyễn Anh	Hào				●			
4	1719078	Trần Hải	Hưng			4.25		4.25		
5	1719166	Lê Văn	Sỹ				●			
6	1719176	Phan Việt	Thắng			1.0		1.0		
7	1719222	Hà Ngọc	Trường			1.25		1.25		
8	1719224	Lê Ngọc	Tú			6.0		6.0		
9	18190034	Trần Quốc	Cường			5.0		5.0		
10	18190037	Trần Tiến	Đạt			5.0		5.0		
11	18190059	Nguyễn Văn	Hòa			3.5		3.5		
12	18190084	Nguyễn Lê Nhựt	Linh			5.0		5.0		
13	18190104	Nguyễn Bích	Ngọc			4.0		4.0		
14	18190106	Phạm Thị Bích	Ngọc			5.75		5.75		
15	18190118	Nguyễn Thị Thùy	Như			4.75		4.75		
16	18190120	Trần Thị	Nhung							
17	18190121	Võ Thị Tuyết	Nhung			2.5		2.5		
18	18190139	Trương Phú	Quý			0.5		0.5		
19	18190140	Đặng Thị	Quyên			4.25		4.25		
20	18190161	Lê Gia	Thịnh			2.5		2.5		
21	18190162	Võ Đức	Thịnh			4.75		4.75		
22	18190201	Nguyễn Ngọc Trang	Vy				●			
23	19190004	Huỳnh Hà Ngọc	Duy			6.75		6.75		
24	19190012	Nguyễn Tuấn	An			8.25		8.25		
25	19190013	Phạm Thị Ngọc	Anh			5.0		5.0		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Lê Thị Sơn Chữ ký: 2) Ng Thị Mỹ Trinh Chữ ký:	Họ, tên: Nguyễn T. Thanh Thuỷ Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:

21001818

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ — Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Các nguyên tố chuyển tiếp và không chuyển tiếp** Mã học phần: **MSC10006**

Lớp: **19KVL1** Ngày thi: **29/04/2021** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
26	19190015	Phan Ngọc	Ánh		Ánh	1.5	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
27	19190017	Nguyễn Đức	Bấu			2.5	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
28	19190028	Võ Thị Thùy	Dương			1.25	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
29	19190033	Đoàn Nhật	Giang			6.75	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
30	19190066	Hồ Quảng	Luân			0.75	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
31	19190069	Nguyễn Bùi Gia	Mẫn			4.75	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
32	19190077	Nguyễn Thị Trịnh	Nghi			4.25	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
33	19190090	Hạ Phan Phượng Hoàng	Oanh		Oanh	1.0	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
34	19190112	Phan Đình	Thanh				●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
35	19190115	Nguyễn Thanh	Thảo			3.25	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
36	19190116	Trần Thị Thu	Thảo			2.5	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
37	19190118	Phạm Chí	Thiện			2.75	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
38	19190126	Nguyễn Thị Việt	Trinh		Trinh	2.5	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
39	19190137	Võ Tuấn	Vũ			1.5	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
40	19190139	Lê Huỳnh Hải	Yến			1.0	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
41	19190140	Nguyễn Thị Ngọc	Yến			2.5	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
42	19190143	Đoàn Thị Khánh	An			3.25	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
43	19190144	Đỗ Thảo	Anh			4.0	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
44	19190146	Phùng Thị Ngọc	Anh			5.0	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
45	19190149	Phạm Gia	Bảo			1.75	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
46	19190150	Cao Thị Thanh	Bình			1.0	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
47	19190151	Huỳnh Ngọc	Công			1.25	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
48	19190159	Lê Khánh	Duy			1.75	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
49	19190161	Nguyễn Ngọc	Duy				●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
50	19190168	Trần Công	Hiển			6.0	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Anh Thư ... Chữ ký:	Họ, tên: Nguyễn T. Thanh Thuỷ	Họ, tên: .....
2) Ng. T. Mỹ Trinh ... Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

21001819

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Các nguyên tố chuyển tiếp và không chuyển tiếp** Mã học phần: **MSC10006**

Lớp: **19KVL1** Ngày thi: **29/04/2021** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
51	19190169	Lê Thị	Hiếu			3.0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
52	19190175	Lại Lê	Hương			1.0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
53	19190177	Trần Thị Quỳnh	Hương			1.0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
54	19190179	Tạ Bùi Đức	Huy			3.5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
55	19190180	Trần Đăng	Huy			2.0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
56	19190183	Nguyễn Ngọc Phương	Khanh			2.5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
57	19190184	Huỳnh Gia	Khánh				●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
58	19190186	Lê Nguyễn Phúc	Khiêm			1.0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
59	19190188	Phạm Đăng	Khoa			2.125	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
60	19190190	Trần Văn	Khương			3.0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
61	19190193	Nguyễn Tường	Linh			2.25	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
62	19190199	Lương Hiền	Minh			1.25	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
63	19190202	Nguyễn Trần Thảo	My			6.75	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
64	19190210	Trương Thị Bảo	Ngọc			2.5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
65	19190211	Đinh Thị Thu	Nguyên			1.25	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
66	19190212	Trần Hoàng	Nguyên			1.75	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
67	19190215	Nguyễn Bảo	Như			3.0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
68	19190216	Nguyễn Thị Hồng	Nhung			1.5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
69	19190221	Phan Lê	Phúc			4.5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
70	19190222	Tăng Thị Lan	Phụng			4.5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
71	19190223	Lê Đình	Phước			5.5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
72	19190231	Hà Văn	Tài			1.75	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
73	19190232	Ngô Gia	Tài			2.25	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
74	19190233	Nguyễn Minh	Tân			3.25	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
75	19190238	Nguyễn Tân	Thịnh			0.25	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Anh Nhật Chữ ký: 2) Lê Thị Sơn Chữ ký:	Họ, tên: Nguyễn T Thanh Thuỷ Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:

21001820

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Các nguyên tố chuyển tiếp và không chuyển tiếp** Mã học phần: **MSC10006**

Lớp: **19KVL1** Ngày thi: **29/04/2021** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
76	19190244	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trâm		Trâm	4.0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
77	19190245	Nguyễn Thị Bảo	Trâm		Trâm	0.75	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
78	19190246	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm		Trâm	2.25	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
79	19190247	Nguyễn Cao	Trí			3.0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
80	19190256	Sầm Minh	Tú			1.25	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
81	19190257	Nguyễn Anh	Tuấn		Tuấn	1.0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
82	19190261	Đoàn Quốc	Viên			1.25	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
83	19190262	Nguyễn Hữu	Việt			2.0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
84	19190265	Lê Ngọc Như	Ý			0.75	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
85	19190266	Nguyễn Thị Bình	Yên		Yên	6.0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Đức Nhuận Chữ ký:	Họ, tên: Nguyễn T. Thanh Thuỷ	Họ, tên:
2) Lê Thị Sơn Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

21001249

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ — Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Sinh học cơ sở** — Mã học phần: **MSC10009**

Lớp: **19KVL1** — Ngày thi: **26/04/2021** — Giờ thi: **10:15** — Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
1	1719105	Nguyễn Phước	Lộc			5,5		6	●	145
2	1719146	Đoàn Tấn	Phát			5,5		6	●	234
3	1719222	Hà Ngọc	Trường			4,0		4	○	350
4	18190049	Hồ Hoàng	Giang			5,0		5	○	472
5	19190004	Huỳnh Hà Ngọc	Duy			8,0		8	○	145
6	19190012	Nguyễn Tuấn	An			7,0		7	○	234
7	19190013	Phạm Thị Ngọc	Anh			4,5		4	●	350
8	19190015	Phan Ngọc	Ánh			4,0		4	○	472
9	19190017	Nguyễn Đức	Bấu			5,5		5	●	145
10	19190028	Võ Thị Thùy	Dương			5,5		5	●	234
11	19190033	Đoàn Nhật	Giang			9,5		9	●	350
12	19190042	Lê Đăng	Hiếu				●		○	
13	19190047	Đoàn Quốc	Huy			5,0		5	○	145
14	19190066	Hồ Quảng	Luân			5,0		5	○	234
15	19190069	Nguyễn Bùi Gia	Mẫn			7,5		7	●	350
16	19190072	Lê Hoàng	Minh				●		○	
17	19190077	Nguyễn Thị Trịnh	Nghi			5,5		5	●	145
18	19190090	Hạ Phan Phượng Hoàng	Oanh			3,5		3	●	234
19	19190092	Nguyễn Nữ Tuyết	Pha			7,5		7	●	350
20	19190112	Phan Đình	Thanh			2,5		2	●	472
21	19190115	Nguyễn Thanh	Thảo			3,5		3	●	145
22	19190116	Trần Thị Thu	Thảo			5,5		5	●	234
23	19190118	Phạm Chí	Thiện			6,5		6	●	350
24	19190126	Nguyễn Thị Việt	Trinh			3,5		3	●	472
25	19190136	Nguyễn Huỳnh	Vũ			4,5		4	●	145

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Lê Thị Ton Chữ ký: 2) Lê Thị Chang Chữ ký:	Họ, tên: Võ Thị Bạch Phượng Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:

21001250

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Sinh học cơ sở** Mã học phần: **MSC10009**

Lớp: **19KVL1** Ngày thi: **26/04/2021** Giờ thi: **10:15** Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
26	19190137	Võ Tuấn	Vũ			5,5		5		234
27	19190139	Lê Huỳnh Hải	Yến			5,0		5		350
28	19190140	Nguyễn Thị Ngọc	Yến			5,0		5		472
29	19190143	Đoàn Thị Khánh	An			5,0		5		145
30	19190144	Đỗ Thảo	Anh			8,0		8		234
31	19190146	Phùng Thị Ngọc	Anh			3,5		3	●	350
32	19190147	Phạm Thị	Bằng			6,0		6		472
33	19190148	Lý Gia	Bảo			4,5		4	●	145
34	19190150	Cao Thị Thanh	Bình			4,5		4	●	234
35	19190151	Huỳnh Ngọc	Công			4,5		4	●	350
36	19190159	Lê Khánh	Duy			3,5		3	●	472
37	19190162	Phạm Thị Thu	Giang			5,5		5	●	145
38	19190166	Đặng Quốc	Hào			5,5		5	●	234
39	19190168	Trần Công	Hiển			7,0		7		350
40	19190169	Lê Thị	Hiếu			4,0		4		427
41	19190175	Lại Lê	Hương			5,5		5	●	145
42	19190177	Trần Thị Quỳnh	Hương			3,5		3	●	472
43	19190178	Bùi Quang Vũ	Huy			4,5		4	●	145
44	19190179	Tạ Bùi Đức	Huy			4,5		4	●	472
45	19190180	Trần Đăng	Huy			5,5		5	●	145
46	19190183	Nguyễn Ngọc Phương	Khanh			5,0		5		472
47	19190184	Huỳnh Gia	Khánh				●			
48	19190186	Lê Nguyễn Phúc	Khiêm			5,5		5	●	472
49	19190187	Ngô Vĩnh	Khoa			4,5		4	●	145
50	19190188	Phạm Đăng	Khoa			5,0		5		472

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Lê Thị Sơn Chữ ký:	Họ, tên: Vũ Thị Bạch Phương	Họ, tên:
2) Đỗ Thị Chang Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

21001251

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Sinh học cơ sở** Mã học phần: **MSC10009**

Lớp: **19KVL1** Ngày thi: **26/04/2021** Giờ thi: **10:15** Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
51	19190190	Trần Văn	Khương			8,0	v	8	○	350
52	19190193	Nguyễn Tường	Linh			3,5	v	3	●	234
53	19190199	Lương Hiền	Minh			3,5	v	3	●	350
54	19190202	Nguyễn Trần Thảo	My			5,0	v	5	○	234
55	19190203	Võ Huỳnh Trà	My			5,5	v	5	●	350
56	19190210	Trương Thị Bảo	Ngọc			4,0	v	4	○	234
57	19190211	Đinh Thị Thu	Nguyên			4,5	v	4	●	350
58	19190212	Trần Hoàng	Nguyên			6,5	v	6	●	234
59	19190215	Nguyễn Bảo	Như			4,5	v	4	●	350
60	19190216	Nguyễn Thị Hồng	Nhung			3,5	v	3	●	234
61	19190220	Nguyễn Vũ Song	Phú			2,5	v	2	●	145
62	19190221	Phan Lê	Phúc			5,0	v	5	○	472
63	19190222	Tăng Thị Lan	Phụng			4,5	v	4	●	145
64	19190223	Lê Đình	Phước			5,0	v	5	○	472
65	19190231	Hà Văn	Tài			3,5	v	3	●	145
66	19190232	Ngô Gia	Tài			5,0	v	5	○	472
67	19190233	Nguyễn Minh	Tân			6,5	v	6	●	145
68	19190244	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trâm			6,0	v	6	○	472
69	19190245	Nguyễn Thị Bảo	Trâm			6,0	v	6	○	145
70	19190246	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm			3,5	v	3	●	234
71	19190247	Nguyễn Cao	Trí			5,0	v	5	○	350
72	19190257	Nguyễn Anh	Tuấn			3,5	v	3	●	234
73	19190261	Đoàn Quốc	Viên			5,5	v	5	●	350
74	19190262	Nguyễn Hữu	Việt			5,0	v	5	○	234
75	19190265	Lê Ngọc Như	Ý			4,5	v	4	●	350

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1)..... Chữ ký:	Họ, tên: Vũ Thị Bích Phương	Họ, tên:
2)..... Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

21001252

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ — Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Sinh học cơ sở** Mã học phần: **MSC10009**

Lớp: **19KVL1** Ngày thi: **26/04/2021** Giờ thi: **10:15** Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
76	19190266	Nguyễn Thị Bình	Yên			6,5	v	6	●	234
77	19190267	Nguyễn Đức	Duy			~~7,5~~ 6,5	v	6	●	234
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Lê Thị Sơn Chữ ký:	Họ, tên: Võ Thị Bạch Phương	Họ, tên:
2) Nguyễn Anh Thư Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

21001253

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ — Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Sinh học cơ sở** — Mã học phần: **MSC10009**

Lớp: **19KVL2** — Ngày thi: **26/04/2021** — Giờ thi: **10:15** — Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
1	1519019	Lê Hồng	Cường			3,0		3		234
2	1519134	Phạm Hoài	Nhân			6,5		6	●	472
3	1519167	Lê Văn	Quý			4,5		4	●	145
4	1619037	Nguyễn Tấn	Duy			4,0		4		234
5	1719020	Trương Quốc	Anh				●			
6	1719024	Hà Minh	Châu			4,0		4		350
7	1719039	Trần Văn	Độ			5,0		5		145
8	1719041	Phạm Ngọc	Dũng				●			
9	1719044	Nguyễn Văn	Đương			3,0		3		145
10	1719049	Phạm Hà	Giang			5,0		5		350
11	1719064	Trần Nguyễn Anh	Hào			3,5		3	●	145
12	1719075	Đỗ Mạnh	Hùng			5,0		5		350
13	1719082	Hồ Lê	Huy			5,5		5	●	350
14	1719087	Trần Thị Thu	Huyền			5,0		5		472
15	1719101	Nguyễn Huỳnh Trúc	Linh			3,0		3		234
16	1719102	Phạm Ngô Thùy	Linh			4,5		4	●	145
17	1719103	Thái Ngọc Diệu	Linh			4,0		4		350
18	1719108	Nguyễn Thành	Luân			4,5		4	●	472
19	1719111	Võ Thị Huỳnh	Mai			3,5		3	●	234
20	1719117	Nguyễn Thị Tuyết	Minh			3,0		3		472
21	1719122	Vũ Đình	Nam				●			
22	1719128	Phạm Ngọc	Nguyên			4,5		4	●	472
23	1719140	Nguyễn Thị Huỳnh	Như			6,0		6		234
24	1719150	Trương Vĩ	Phong			4,5		4	●	472
25	1719163	Trương Hồng	Sang			4,0		4		234

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Đoàn Thanh Mai ... Chữ ký:	Họ, tên: Võ Thị Bạch Phương	Họ, tên:
2) Trần Thị Mỹ ... Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

21001254

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ — Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Sinh học cơ sở** Mã học phần: **MSC10009**

Lớp: **19KVL2** Ngày thi: **26/04/2021** Giờ thi: **10:15** Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
26	1719175	Nguyễn Văn	Thắng			4,5	V	4	●	350
27	1719179	Vũ Ngọc Thiên	Thanh			4,5	V	4	●	234
28	1719180	Lê Minh	Thành			5,5	V	5	●	145
29	1719199	Võ Vũ Phương	Thúy			4,5	V	4	●	472
30	1719200	Cao Ngọc Thủy	Tiên			4,0	V	4	○	350
31	1719255	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên			7,0	V	7	○	
32	18190092	Lã Nhật	Minh				V		○	
33	18190108	Bùi Thị Ái	Nhân			3,0	V	3	○	472
34	18190111	Đinh Hoàng Hài	Nhi			6,5	V	6	●	350
35	18190129	Mai Kiến	Phúc			4,5	V	4	●	234
36	18190134	Trần Nguyễn Hoàng	Phương			4,0	V	4	○	145
37	18190153	Cao Tấn	Thanh			5,0	V	5	○	472
38	18190166	Huỳnh Ngọc Anh	Thư			4,5	V	4	●	350
39	19190007	Hoàng Phan Minh	Tâm			6,0	V	6	○	350
40	19190009	Lê Thị Thảo	Trinh			5,0	V	5	○	234
41	19190023	Nguyễn Cao	Cường			5,5	V	5	●	234
42	19190106	Nguyễn Thành	Sang			6,5	V	6	●	472
43	19190114	Nguyễn Hoàng Nhật	Thảo			6,5	V	6	●	145
44	19190123	Lê Phạm Quốc	Toàn			4,5	V	4	●	145
45	19190129	Dương Minh	Trung			5,5	V	5	●	234
46	19190132	Lưu Trần Thanh	Uyên			7,0	V	7	○	472
47	19190133	Lê Thị Kiều	Vân			5,0	V	5	○	350
48	19190134	Lê Thị Thanh	Vân			4,5	V	4	●	350
49	19190142	Trần Thị Thúy	Ái			3,5	V	3	●	234
50	19190149	Phạm Gia	Bảo			5,0	V	5	○	472

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Hoàng M. Phúc Chữ ký: 2) Trần Thanh Mai Chữ ký:	Họ, tên: Vũ Thị Bạch Phượng Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:

21001255

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Sinh học cơ sở**

Mã học phần: **MSC10009**

Lớp: **19KVL2** Ngày thi: **26/04/2021** Giờ thi: **10:15** Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
51	19190152	Nguyễn Thành	Công			5,0		5		145
52	19190154	Lại Tiến	Độ			4,0		4		145
53	19190160	Nguyễn Hoàng Minh	Duy			3,5		3	●	234
54	19190163	Vu Thanh	Hải			4,0		4		472
55	19190164	Dương Thụy Trúc	Hân			3,5		3	●	350
56	19190167	Nguyễn Thị Thu	Hiền			5,5		5	●	350
57	19190171	Võ Thị Thanh	Hoài			4,5		4	●	472
58	19190176	Trần Thị	Hương			3,5		3	●	234
59	19190196	Nguyễn Đức	Lộc			6,0		6		145
60	19190197	Trần Tấn	Lộc			3,5		3	●	145
61	19190198	Lê Diệu Phương	Mai			4,5		4	●	234
62	19190201	Nguyễn Trà	My			4,0		4		472
63	19190207	Nguyễn Chí	Nghĩa			6,0		6		350
64	19190217	Võ Minh	Nhựt			6,5		6	●	350
65	19190225	Lê Xuân	Phước			6,0		6		350
66	19190229	Nguyễn Phương	Quỳnh			4,5		4	●	472
67	19190230	Lê Văn Hoàng	Son			4,5		4	●	145
68	19190234	Bùi Nguyễn Đức	Thắng			3,0		3		234
69	19190241	Trương Thương	Thương			4,0		4		350
70	19190249	Dương Thị	Trúc			6,5		6	●	472
71	19190250	Trần Thị Thanh	Trúc			5,5		5	●	145
72	19190254	Lưu Thanh	Tú			4,5		4	●	234
73	19190255	Nguyễn Anh	Tú			3,5		3	●	350
74	19190258	Nguyễn Đắc Thanh	Tùng			4,0		4		472
75	19190264	Nguyễn Khả	Vy			5,0		5		145

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Trần Thị Nga Chữ ký: 2) Trần Thanh Mai Chữ ký:	Họ, tên: Vũ Thị Bạch Phương Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:

21001864

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Toán cao cấp C**

Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **20KVL1** Ngày thi: **29/04/2021** Giờ thi: **10:15** Phòng thi: **F202**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
1	1619064	Võ Duy	Hiển		Hiển	2,5	v	10	●	
2	1619212	Nguyễn Thanh	Sang		Sang	6,5	v	6	●	
3	1715412	Trần Lê Hải	Yến			6,0	v	6	○	
4	1716074	Phạm Thị Mỹ	Quyền		Quyền	1,5	v	1	●	
5	1718280	Trương Minh	Quang				●		○	
6	1719102	Phạm Ngô Thùy	Linh			3,5	v	3	●	
7	1719114	Cao Nhu	Mì			5,0	v	5	○	
8	1719115	Hồ Hiếu	Minh			8,0	v	8	○	
9	18150146	Lê Đình	Hưng			3,5	v	3	●	
10	18170140	Nguyễn Hồng Kim	Vy				●		○	
11	18190025	Trần Sử Đình	Bá				●		○	
12	18190150	Lê Duy	Tân			5,0	v	5	○	
13	18190161	Lê Gia	Thịnh			8,0	v	8	○	
14	19140363	Nguyễn Hữu Đức	Hạnh			6,5	v	6	●	
15	19140654	Trần Thanh	Thanh			7,5	v	7	●	
16	19150265	Trần Thị Bé	Út			3,5	v	3	●	
17	19150271	Huỳnh Hoàng Trúc	Anh			8,5	v	8	●	
18	19150274	Nguyễn Huỳnh Mai	Anh			5,0	v	5	○	
19	19150348	Võ Lâm Đức	Huy			3,5	v	3	●	
20	19180309	Nguyễn Ngọc Thái	Ngân			8,5	v	8	●	
21	19180324	Trương Quỳnh	Nhi			7,5	v	7	●	
22	19180392	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo		Thảo	9,0	v	9	○	
23	19180401	Phạm Thị Ánh	Thư			9,5	v	9	●	
24	19180403	Phạm Thanh	Thuận			7,0	v	7	○	
25	19180417	Phạm Thị Bích	Trâm			9,0	v	9	○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Phạm Phú Tuấn Kiệt Chữ ký: 2) Nguyễn Phi Hùng Chữ ký:	Họ, tên: Cao Nghi Trúc Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:

21001865

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Toán cao cấp C**

Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **20KVL1** Ngày thi: **29/04/2021** Giờ thi: **10:15** Phòng thi: **F202**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
26	19180425	Lê Thị Thùy	Trang			10,0	v	10	○	
27	19180426	Mai Thu	Trang			8,5	v	8	●	
28	19190188	Phạm Đăng	Khoa			4,0	v	4	○	
29	19190238	Nguyễn Tân	Thịnh			7,5	v	7	●	
30	19190255	Nguyễn Anh	Tú			6,0	v	6	○	
31	19190256	Sầm Minh	Tú			7,5	v	7	●	
32	20190001	Trịnh Hoàng	Long			9,0	v	9	○	
33	20190004	Nguyễn Thế	Hiếu			7,0	v	7	○	
34	20190006	H' Úc Niê	Kdăm			6,0	v	6	○	
35	20190015	Nguyễn Ngọc Thanh	Nhã			6,5	v	6	●	
36	20190019	Phạm Chí	Tài			5,5	v	5	●	
37	20190020	Cổ Vịnh	Thiên			3,0	v	3	○	
38	20190023	Hồ Thị Mỹ	Tiên			9,5	v	9	●	
39	20190025	Lê Thanh	Tuyền			6,5	v	6	●	
40	20190032	Nguyễn Văn	An			9,5	v	9	●	
41	20190034	Phạm Hoàng Phương	Anh			7,0	v	7	○	
42	20190035	Võ Thị Kim	Anh			9,0	v	9	○	
43	20190036	Nguyễn Thành Tâm	Bảo			1,5	v	1	●	
44	20190037	Lê Thu	Cẩm			0,5	v	0	●	
45	20190038	Phạm Nguyễn Hải	Đăng			8,5	v	8	●	
46	20190039	Trần Quốc	Đoàn			9,5	v	9	●	
47	20190040	Khổng Bảo	Duy			9,0	v	9	○	
48	20190041	Phạm Quang	Duy			9,5	v	9	●	
49	20190042	Quách Hữu	Duy			7,5	v	7	●	
50	20190043	Đặng Thị	Duyên			10,0	v	10	○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Tấn Thành Chữ ký:	Họ, tên: Cao Nghi Dục	Họ, tên:
2) Phạm Phú Tuấn Kiệt Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

21001866

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ — Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Toán cao cấp C** — Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **20KVL1** Ngày thi: **29/04/2021** Giờ thi: **10:15** Phòng thi: **F202**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
51	20190044	Lê Hồng	Gấm			8,5	v	9	●	
52	20190045	Nguyễn Huỳnh	Giang			01,0	v	1	○	
53	20190046	Nông Thụy Bằng	Giang			01,0	v	1	○	
54	20190047	Nguyễn Thị	Giàu			6,0	v	6	○	
55	20190048	Lê Phước	Hải			10,0	v	10	○	
56	20190050	Nguyễn Thu	Hằng			5,0	v	5	○	
57	20190052	Lê Gia	Hưng			3,5	v	3	●	
58	20190053	Nguyễn Hoàng	Huy			6,0	v	6	○	
59	20190055	Hoàng Lê Diễm	Huyền			5,5	v	5	●	
60	20190056	Vũ Đức Hoàng	Khải			5,0	v	5	○	
61	20190057	Lê Hoàng	Khánh			8,5	v	8	●	
62	20190058	Nguyễn Trần Đăng	Khoa			8,0	v	8	○	
63	20190059	Quản Đăng	Khoa			10,0	v	10	○	
64	20190060	Nguyễn Trung	Kiên			9,5	v	9	●	
65	20190061	Trần Quang Tuấn	Kiệt			8,0	v	8	○	
66	20190062	Trần Thị Thiên	Kim			5,5	v	5	●	
67	20190063	Đặng Thị Ai	Lel			3,0	v	3	○	
68	20190064	Huỳnh Hoàng	Liên			8,5	v	8	●	
69	20190065	Nguyễn Hồng	Liên			00,0	v	0	○	
70	20190066	Võ Ngọc Thùy	Linh			5,5	v	5	●	
71	20190067	Bùi Bảo	Long				●		○	
72	20190068	Lường Công	Minh			8,0	v	8	○	
73	20190071	Trần Thị Thu	Ngân			10,0	v	10	○	
74	20190073	Huỳnh Nguyễn Trung	Nghĩa			2,0	v	2	○	
75	20190074	Trần Thị Thảo	Nguyên			8,0	v	8	○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Trần Thanh Chữ ký:	Họ, tên: Cao Nguyễn Thục	Họ, tên:
2) Nguyễn Phúc Hiền Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

21001862

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Toán cao cấp C**

Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **20KVL1** Ngày thi: **29/04/2021** Giờ thi: **10:15** Phòng thi: **F106**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
1	20190075	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt			4,0	v	4		
2	20190077	Lê Yến	Nhi			10,0	v	10		
3	20190078	Trần Huỳnh Đông	Nhi			5,5	v	5	●	
4	20190079	Nguyễn Đức	Nhưng				●			
5	20190080	Trần Ngọc Bảo	Ny			4,0	v	4		
6	20190081	Nguyễn Văn	Pháp			8,0	v	8		
7	20190082	Nguyễn Tấn	Phát			6,0	v	6		
8	20190083	Phan Thành	Phát			5,5	v	5	●	
9	20190084	Trần Thuận	Phát			8,0	v	8		
10	20190086	Lê Đức	Phúc			9,0	v	9		
11	20190087	Phạm Thanh Hồng	Phúc				●			
12	20190088	Trần Nguyễn Duy	Phúc			5,0	v	5		
13	20190089	Vũ Lê Uyên	Phương			7,5	v	7	●	
14	20190090	Lê Thái Trung	Quân			4,0	v	4		
15	20190091	Nguyễn Minh	Quân			5,5	v	5	●	
16	20190092	Nguyễn Thị Mỹ	Quyên			9,0	v	9		
17	20190093	Nguyễn Tú	Quyên			9,5	v	9	●	
18	20190094	Hồ Thị	Sen			6,0	v	6		
19	20190095	Bạch Thanh	Sơn			6,5	v	6	●	
20	20190096	Nguyễn Thành	Tá			10,0	v	10		
21	20190097	Nguyễn Ngọc Đức	Tài				●			
22	20190098	Nguyễn Hoàng	Thái			4,0	v	4		
23	20190099	Nghiêm Đình	Thắng				●			
24	20190100	An Thị Thanh	Thanh			0,5	v	0	●	
25	20190101	Đặng Tấn	Thành				●			

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Lê Thị Ngọc Trang Chữ ký: 2) Trần Thanh Thảo Chữ ký:	Họ, tên: Cao Nghĩ Đức Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:

21001863

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Toán cao cấp C** Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **20KVL1** Ngày thi: **29/04/2021** Giờ thi: **10:15** Phòng thi: **F106**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
26	20190102	Đinh Quang	Thành		Thanh	0,5	v	0	●	
27	20190103	Nguyễn Hoàng	Thông			3,5	v	3	●	
28	20190105	Nguyễn Ngọc	Thư		Thư	7,5	v	7	●	
29	20190106	Nguyễn Thị Minh	Thư		Thư	4,0	v	4	○	
30	20190108	Nguyễn Trọng	Toàn		Toàn	9,0	v	9	○	
31	20190109	Võ Bích	Trân		Trân	8,5	v	8	●	
32	20190111	Võ Thị	Trinh				●		○	
33	20190112	Nguyễn Lâm	Trường		Trường	0,5	v	0	●	
34	20190113	Nguyễn Đoàn Ngọc	Tú		Tú	9,0	v	9	○	
35	20190114	Phạm Quốc	Tuấn		Tuấn	5,0	v	5	○	
36	20190115	Kha Khôi	Vĩ		Vĩ	5,5	v	5	●	
37	20190116	Lê Phước	Việt		Việt	8,0	v	8	○	
38	20190117	Nguyễn Đức	Vinh		Vinh	5,0	v	5	○	
39	20190119	Huỳnh Quang	Vũ		Vũ	6,0	v	6	○	
40	20190120	Phạm Thanh	Vũ		Vũ	10,0	v	10	○	
41	20190123	Trương Thúy	Vy		Thúy	7,0	v	7	○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Tân Nữ Q. Trang Chữ ký:	Họ, tên: Cao Nghi Duc	Họ, tên:
2) Lê Thị Ngọc Trang Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

21001825

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Toán cao cấp C**

Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **20CMT1** Ngày thi: **29/04/2021** Giờ thi: **10:15** Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
1	20220039	Đào Ngọc Cẩm	Hồng			4,0	v	4	○	
2	20220040	Nguyễn Lương Gia	Huy			7,5	v	7	●	
3	20220041	Nguyễn Vũ Gia	Huy			5,5	v	5	●	
4	20220042	Mai Ngọc	Huyền			9,5	v	9	●	
5	20220043	Lê Tấn	Khánh			5,5	v	5	●	
6	20220044	Nguyễn Đào Anh	Khoa			5,5	v	5	●	
7	20220045	Nguyễn Tuấn	Kiệt			7,5	v	7	●	
8	20220046	Trần Nhật	Linh			6,0	v	6	○	
9	20220047	Lý Thành	Long			6,5	v	6	●	
10	20220048	Vũ Bảo	Long			6,5	v	6	●	
11	20220049	Trần Thị Kiều	Mi			7,0	v	7	○	
12	20220050	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc			6,0	v	6	○	
13	20220051	Thái Nguyễn Minh	Ngọc			9,0	v	9	○	
14	20220053	Nguyễn Hoàng Thanh	Như			5,0	v	5	○	
15	20220054	Phan Quỳnh	Như			9,0	v	9	○	
16	20220055	Lâm Tuyết	Nhung			7,0	v	7	○	
17	20220057	Đoàn Nhất	Phi				●		○	
18	20220058	Trần Vĩnh	Phúc			7,0	v	7	○	
19	20220059	Nguyễn Duy	Phùng			4,0	v	4	○	
20	20220060	Trần Quang	Phụng			9,5	v	9	●	
21	20220061	Nguyễn Minh	Phước			5,5	v	5	●	
22	20220062	Trần Ngọc	Phước			5,0	v	5	○	
23	20220064	Trần Duy	Quang				●		○	
24	20220065	Nguyễn Anh	Quý			8,5	v	8	●	
25	20220066	Trần Thị Tú	Quyên			2,5	v	2	●	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Duy Anh Chữ ký:	Họ, tên: Cao Nghĩ Thục	Họ, tên:
2) Bùi Đình Khan Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

21001826

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Toán cao cấp C**

Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **20CMT1** Ngày thi: **29/04/2021** Giờ thi: **10:15** Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
26	20220067	Phạm Thị Ngọc	Quyền			5,5	v	5	●	
27	20220069	Đặng Tấn	Tài			5,0⁻	v	5	○	
28	20220070	Nguyễn Thiên	Tài			9,0	v	9	○	
29	20220071	Nguyễn Chí	Tâm			7,5	v	7	●	
30	20220072	Võ Minh	Tân			6,0	v	6	○	
31	20220074	Nguyễn Đức	Thành			6,5	v	6	●	
32	20220075	Nguyễn Đào Phương	Thảo			3,0	v	3	○	
33	20220076	Trần Thị Thu	Thảo			5,0⁻	v	5	○	
34	20220077	Trương Ngọc Phương	Thảo			3,0	v	3	○	
35	20220078	Nguyễn Thị Đăng	Thi			6,5	v	6	●	
36	20220079	Lê	Thiên				●		○	
37	20220080	Lê Chí	Thiện			5,5	v	5	●	
38	20220081	Lê Hữu	Thiện				●		○	
39	20220082	Trương Thị Kim	Thoa				●		○	
40	20220083	Cao Thị Nhật	Thương			4,0	v	4	○	
41	20220084	Nguyễn Thị Diệu	Thùy			5,0	v	5	○	
42	20220085	Nguyễn Phạm Phương	Thy				●		○	
43	20220087	Nguyễn Khánh	Trang			5,5	v	5	●	
44	20220089	Nguyễn Thùy	Trang			5,0	v	5	○	
45	20220092	Trần Công	Trứ			5,0	v	5	○	
46	20220093	Nguyễn Thị	Trúc			6,5	v	6	●	
47	20220094	Nguyễn Thị Thanh	Trúc			8,5	v	8	●	
48	20220096	Phan	Trường			3,0	v	3	○	
49	20220098	Nguyễn Thái	Tuấn			5,5	v	5	●	
50	20220099	Phan Thị Bích	Tuyền			8,5	v	8	●	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Duy Lợi Chữ ký:	Họ, tên: Cao Nghi Thục	Họ, tên:
2) Bùi Anh Khoa Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

21001827

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ **Học kỳ: 2/20-21**

Tên học phần: **Toán cao cấp C** Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **20CMT1** Ngày thi: **29/04/2021** Giờ thi: **10:15** Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
51	20220100	Nguyễn Công	Ty			10,0		10		
52	20220101	Cao Ngọc Thảo	Uyên			8,0		8		
53	20220102	Đào Thị Thu	Vân				●			
54	20220103	Nguyễn Hoàng Thanh	Ý			8,0		8		
55	20270003	Nguyễn Văn	Hậu			6,0		6		
56	20270004	Nguyễn Thị Bích	Ngọc			0,5		0	●	
57	20270005	Nguyễn Hoàng Khánh	Nguyên			5,0		5		
58	20270006	Nguyễn Huỳnh Minh	Thư			6,0		6		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Duy Lộc Chữ ký: 2) Bùi Đình Kiên Chữ ký:	Họ, tên: Cao Nghi Thục Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:

21001828

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ **Học kỳ: 2/20-21**

Tên học phần: **Toán cao cấp C** Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **20CMT1** Ngày thi: **29/04/2021** Giờ thi: **10:15** Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
1	1615179	Lê Đình	Kỳ			7,0		7		
2	1715059	Đồng Ngọc	Ánh				●			
3	1715161	Trương Văn	Khải			10,0		10		
4	1719125	Vũ Nguyễn Kim	Ngọc			5,0		5		
5	1720091	Trần Thị Ngọc	Hiếu			5,5		5	●	
6	1722041	Bùi Đình	Dương				●			
7	18150111	Nguyễn Nhật	Hạ			3,5		3	●	
8	18150295	Lương Ngọc	Thành			3,5		3	●	
9	18150299	Nguyễn Thị Như	Thảo			3,5		3	●	
10	18150303	Lương Hoài	Thi			5,0		5		
11	18150342	Hà Trung	Tín			7,5		7	●	
12	18170064	Trần Anh	Minh				●			
13	18170065	Lê Toàn	Mỹ			9,0		9		
14	18170074	Nguyễn Lương Bảo	Ngọc			9,0		9		
15	18170113	Nguyễn Minh	Thuỳ			6,5		6	●	
16	18170116	Huỳnh Lê Mỹ	Tiên			6,5		6	●	
17	18170122	Nguyễn Thị Ngọc	Trúc			6,0		6		
18	18220094	Đỗ Thành	Tân			3,5		3	●	
19	19150424	Phùng Thị Mỹ	Phúc			8,5		8	●	
20	19150484	Nguyễn Phan Huyền	Trân			3,0		3		
21	19190221	Phan Lê	Phúc			10,0		10		
22	20160005	Phan Thị Huyền	Trân			7,0		7		
23	20160006	Lê Phạm Quỳnh	Trang			7,0		7		
24	20160007	Nguyễn Ngọc	Tuyển			6,5		6	●	
25	20160008	Lê Hải	Yến			3,0		3		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Đoàn T. Thu Trang Chữ ký: 2) Trần Ngọc Quí Chữ ký:	Họ, tên: Cao Nghi Thục Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:

21001829

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Toán cao cấp C**

Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **20CMT1** Ngày thi: **29/04/2021** Giờ thi: **10:15** Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
26	20160009	Nguyễn Hồ Thuý	An			5,0	v	5	○	
27	20160010	Phạm Thị Quỳnh	Anh			01,0	v	1	○	
28	20160011	Lê Chí	Bằng			5,0	v	5	○	
29	20160012	Lê Nguyễn Ngọc	Hân			5,0	v	5	○	
30	20160013	Lê Xuân	Hoàng			7,0	v	7	○	
31	20160014	Châu Quế	Hương			8,5	v	8	●	
32	20160015	Nguyễn Như	Huỳnh			8,0	v	8	○	
33	20160016	Dương Bảo	Minh			6,5	v	6	●	
34	20160017	Phạm Bá	Nghĩa			5,0	v	5	○	
35	20160018	Lê Thị Hồng	Ngọc			10,0	v	10	○	
36	20160020	Nguyễn Trọng	Nhân				●		○	
37	20160025	Mai Trần Như	Phương			6,5	v	6	●	
38	20160029	Trần Thị Thanh	Thùy				●		○	
39	20160030	Tạ Bội	Trân			10,0	v	10	○	
40	20160031	Lý Cung	Trúc			6,0	v	6	○	
41	20160033	Phạm Nguyễn Thúy	Vy			9,5	v	9	●	
42	20220002	Mai Thành	Đạt			7,5	v	7	●	
43	20220003	Tạ Nguyễn Hải	Dương			10,0	v	10	○	
44	20220005	Đỗ Lan	Hương			2,5	v	2	●	
45	20220006	Nguyễn Thị Minh	Huyền			5,0	v	5	○	
46	20220008	Nguyễn Đăng	Khoa			5,5	v	5	●	
47	20220009	Lưu Võ Tường	Lộc			7,5	v	7	●	
48	20220014	Đặng Cao Hoàng	Phát			8,0	v	8	○	
49	20220023	Nguyễn Hoàng	Việt			8,5	v	8	●	
50	20220027	Đặng Hoàng Gia	Ân			9,0	v	9	○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Trần Ngọc Quí ..... Chữ ký:	Họ, tên: Cao Nghĩ Thục	Họ, tên:
2) Phan Thị Thu Trang ..... Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

21001830

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ **Học kỳ: 2/20-21**

Tên học phần: **Toán cao cấp C** Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **20CMT1** Ngày thi: **29/04/2021** Giờ thi: **10:15** Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
51	20220028	Đoàn Lê Bích	Anh			10,0		10		
52	20220029	Nguyễn Thanh	Bình			7,5		7,5	●	
53	20220030	Nguyễn Văn	Bình			2,5		2,5	●	
54	20220031	Phạm Đỗ Thành	Đạt				●			
55	20220032	Phạm Thành	Đạt			8,0		8		
56	20220033	Trần Bình	Định			9,5		9,5	●	
57	20220035	Phan Thị Hương	Giang			7,5		7,5	●	
58	20220037	Lê Võ Trung	Hiếu			5,5		5,5	●	
59	20220038	Thân Hữu Minh	Hòa			6,0		6		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1)..... Chữ ký:	Họ, tên: Cao Ngọc Thục	Họ, tên:
2)..... Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

21001851

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ **Học kỳ: 2/20-21**

Tên học phần: **Toán cao cấp C** Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **20HOH2** Ngày thi: **29/04/2021** Giờ thi: **10:15** Phòng thi: **E305**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
1	1614330	Hoàng Ngọc	Thương			5,5		5	●	
2	1720134	Bùi Văn	Linh			9,0		9		
3	18140280	Lê Ngọc Phương	Nguyên			9,0		9		
4	18150058	Nguyễn Đức	Anh			7,5		7	●	
5	19170169	Đỗ Thị Mỹ	Kiều			4,5		4	●	
6	19170200	Nguyễn Hồng	Nhung			7,0		7		
7	20140282	Lê Thị Kim	Khánh			9,5		9	●	
8	20140284	Tạ Vân	Khánh			8,0		8		
9	20140285	Nguyễn Huỳnh	Khiêm			7,5		7	●	
10	20140286	Nguyễn Đăng	Khoa			8,0		8		
11	20140287	Phạm Nguyễn Đăng	Khoa			5,5		5	●	
12	20140288	Võ Minh	Khôi			10,0		10		
13	20140289	Phạm Nhật	Khuyên			9,5		9	●	
14	20140290	Lê Tuấn	Kiệt			6,0		6		
15	20140291	Nguyễn Quốc	Kiệt			8,0		8		
16	20140293	Huỳnh Thị Mỹ	Linh			8,5		8	●	
17	20140294	Nguyễn Lã Gia	Linh			7,0		7		
18	20140295	Đặng Thị Hồng	Loan			10,0		10		
19	20140297	Nguyễn Hùng Phước	Lộc			7,5		7	●	
20	20140298	Nguyễn Vũ Duy	Long			7,0		7		
21	20140299	Nguyễn Hoàng	Luân			9,5		9	●	
22	20140300	Lê Thị Ngọc	Mai			10,0		10		
23	20140302	Trần Gia	Mẫn			10,0		10		
24	20140303	Vũ Quang	Mẫn			10,0		10		
25	20140304	Nguyễn Hùng Quang	Minh			9,0		9		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Văn Đức Chữ ký: 2) Ng Hoàng Phương Chữ ký:	Họ, tên: Nguyễn Thị Hồng Nhung Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:

21001852

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ — Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Toán cao cấp C** — Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **20HOH2** — Ngày thi: **29/04/2021** — Giờ thi: **10:15** — Phòng thi: **E305**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
26	20140307	Phạm Hải	Nam			10,0		10		
27	20140308	Đặng Thị Thanh	Ngân			10,0		10		
28	20140310	Lê Nguyễn Kim	Ngân			10,0		10		
29	20140312	Lê Thị Thúy	Ngân			8,0		8		
30	20140313	Nguyễn Thị Kim	Ngân			9,0		9		
31	20140314	Nguyễn Trần Hiếu	Ngân			4,0		4		
32	20140315	Phạm Thị Kim	Ngân			9,0		9		
33	20140316	Võ Thị Kim	Ngân			9,0		9		
34	20140319	Nguyễn Dương Như	Ngọc			9,0		9		
35	20140320	Trần Thị Hồng	Ngọc			7,5		7	●	
36	20140321	Nguyễn Ngọc Bảo	Nguyên			8,5		8	●	
37	20140322	Nguyễn Đình Hiếu	Nhân			4,0		4		
38	20140323	Châu Văn	Nhật				●			
39	20140324	Lê Thị Minh	Nhật			5,5		5	●	
40	20140325	Khổng Thị Yến	Nhi			8,5		8	●	
41	20140327	Ngô Nguyệt	Nhi			10,0		10		
42	20140328	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi			9,0		9		
43	20140329	Nguyễn Thị Ý	Nhi			8,5		8	●	
44	20140330	Phạm Vũ Hiền	Nhi			8,5		8	●	
45	20140332	Trần Minh	Nhi			9,5		9	●	
46	20140333	Trần Yến	Nhi			1,5		1	●	
47	20140334	Vũ Hạnh	Nhi			6,0		6		
48	20140335	Huỳnh	Như			8,5		8	●	
49	20140337	Nguyễn Phạm Huỳnh	Như			7,5		7	●	
50	20140338	Vương Hồng	Nhung			6,5		6	●	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Lê Thanh Thảo Chữ ký: 2) Ngô Võ Tùng Chữ ký:	Họ, tên: Nguyễn Thị Hồng Nhung Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:

21001853

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Toán cao cấp C** Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **20HOH2** Ngày thi: **29/04/2021** Giờ thi: **10:15** Phòng thi: **E305**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
51	20140339	Nguyễn Thị Kiều	Oanh			8,5	v	9	●	
52	20140340	Võ Thị Kiều	Oanh			2,5	v	1	●	
53	20140342	Nguyễn Thanh	Phong			9,5	v	9	●	
54	20140346	Bùi Ngọc Yến	Phụng			9,5	v	9	●	
55	20140347	Lý Minh	Phụng			9,0	v	9	○	
56	20140348	Nguyễn Thị Diễm	Phương			7,5	v	7	●	
57	20140349	Nguyễn Thị Kim	Phương			9,5	v	9	●	
58	20140350	Trần Thị Minh	Phương			9,5	v	9	●	
59	20140351	Tạ Thị	Phượng			10,0	v	10	○	
60	20140353	Nguyễn Lê Anh	Quân			3,0	v	3	○	
61	20140354	Vũ Viết	Quân			5,0	v	5	○	
62	20140355	Hồ Minh	Quang			9,0	v	9	○	
63	20140356	Trần Nhật	Quang			10,0	v	10	○	
64	20140358	Trịnh Nhật	Quang			9,0	v	9	○	
65	20140359	Nguyễn Thị Kim	Quyên			9,0	v	9	○	
66	20140360	Nguyễn Văn	Quyến			9,5	v	9	●	
67	20140361	Dương Ngọc	Quỳnh			9,5	v	9	●	
68	20140362	Huỳnh Như	Quỳnh			9,0	v	9	○	
69	20140363	Phan Lê Như	Quỳnh			10,0	v	10	○	
70	20140365	Nguyễn Thành	Tài			9,5	v	9	●	
71	20140367	Đồng Nhật	Tân			6,0	v	6	○	
72	20140368	Huỳnh Ngô Nhựt	Tân			8,5	v	8	●	
73	20140369	Vũ Nam	Thái			10,0	v	10	○	
74	20140370	Phạm Quốc	Thắng			8,5	v	8	●	
75	20140371	Từ Thị Kim	Thanh			10,0	v	10	○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Võ Tùng Chữ ký:	Họ, tên: Nguyễn Thị Hồng Nhung	Họ, tên:
2) Nguyễn Văn Đức Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

21001854

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Toán cao cấp C** Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **20HOH2** Ngày thi: **29/04/2021** Giờ thi: **10:15** Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
1	20140373	Đỗ Vũ Mạnh	Thành			5,0	v	6		
2	20140374	Lưu Cẩm	Thành			10,0	v	10		
3	20140375	Phí Tiến	Thành			8,0	v	8		
4	20140376	Võ Lê Phương	Thành			7,5	v	7	x	
5	20140377	Hàn Thị Xuân	Thảo			9,5	v	9	x	
6	20140378	Lê Thị Ngọc	Thảo			10,0	v	10		
7	20140380	Trần Xuân	Thảo			10,0	v	10		
8	20140381	Lê Đình	Thi			10,0	v	10		
9	20140382	Dương Văn	Thiện			8,5	v	8	x	
10	20140385	Tôn Đức	Thịnh			7,5	v	7	x	
11	20140386	Trương Trường	Thịnh			8,5	v	8	x	
12	20140389	Hồ Thụy Kim	Thoa			9,5	v	9	x	
13	20140392	Nguyễn Minh	Thông			8,5	v	8	x	
14	20140393	Hồ Anh	Thư			9,5	v	9	x	
15	20140395	Nguyễn Thị Minh	Thư			8,0	v	8		
16	20140397	Võ Thị Anh	Thư			10,0	v	10		
17	20140399	Nguyễn Minh	Thuận			8,5	v	8	x	
18	20140400	Nguyễn Hữu	Thương			8,5	v	8	x	
19	20140401	Phạm Huỳnh Khánh	Thương			6,5	v	6	x	
20	20140402	Phạm Lê Thanh	Thúy			9,0	v	9		
21	20140404	Võ Thị Thùy	Tiên			8,5	v	8	x	
22	20140406	Lâm Thị Thanh	Tiền			9,0	v	9		
23	20140410	Lê Ái	Trâm			8,5	v	8	x	
24	20140411	Nguyễn Hoàng Bảo	Trâm			8,5	v	8	x	
25	20140412	Diệp Bảo	Trân			9,5	v	9	x	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Thị Mỹ Trinh Chữ ký: 2) Chữ ký:	Họ, tên: Nguyễn Thị Hồng Nhung Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:

21001855

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ — Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Toán cao cấp C** Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **20HOH2** Ngày thi: **29/04/2021** Giờ thi: **10:15** Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
26	20140413	Nguyễn Ngọc Hoài	Trân			9,0	V	10	○	
27	20140414	Đỗ Thị Huyền	Trang			9,5	V	10	●	
28	20140415	Nguyễn Thị Kiều	Trang			9,0	V	10	○	
29	20140416	Nguyễn Thị Thùy	Trang			9,5	V	10	●	
30	20140417	Trịnh Thị Ngọc	Trang			9,0	V	10	○	
31	20140419	Trần Minh	Trí			9,0	V	10	○	
32	20140420	Bùi Lê Khánh	Trình			4,0	V	3	○	
33	20140422	Nguyễn Thị Mai	Trúc			9,0	V	10	○	
34	20140423	Lê Đức	Trung			9,0	V	10	○	
35	20140424	Đỗ Thị Cẩm	Tú			9,5	V	10	●	
36	20140425	Trịnh Đức	Tú			4,0	V	5	○	
37	20140426	Lê Anh	Tuấn			6,0	V	6	○	
38	20140427	Nguyễn Văn	Tuấn			9,5	V	10	●	
39	20140428	Quách Thị Ngọc	Tươi			9,5	V	10	●	
40	20140429	Nguyễn Cát	Tường			9,5	V	10	●	
41	20140432	Ngô Thị Minh	Tuyết			6,0	V	6	○	
42	20140433	Đào Ngọc	Uyên			9,0	V	10	○	
43	20140434	Nguyễn Ngọc Tố	Uyên			10,0	V	9	○	
44	20140435	Nguyễn Thị Phương	Uyên			3,5	V	3	●	
45	20140437	Nguyễn Thị Cẩm	Vân			10,0	V	9	○	
46	20140438	Đặng Phương	Vi			9,0	V	10	○	
47	20140439	Nguyễn Thị Tường	Vi			9,0	V	10	○	
48	20140440	Trương Thế	Vinh			8,5	V	8	●	
49	20140442	Đỗ Thanh Thúy	Vy			9,5	V	10	●	
50	20140444	Nguyễn Lê	Vy			10,0	V	9	○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1)..... Chữ ký:	Họ, tên: Nguyễn Thị Hồng Nhung	Họ, tên:
2)..... Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

21001856

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Toán cao cấp C** Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **20HOH2** Ngày thi: **29/04/2021** Giờ thi: **10:15** Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
51	20140445	Nguyễn Thị Tường	Vy			9,5	v	10	●	
52	20140446	Phan Tường	Vy			6,5	v	6	●	
53	20140447	Ung Nhật	Vy			7,5	v	7	●	
54	20140448	Lê Trần Thuyết	Vỹ			8,5	v	8	●	
55	20140449	Trương Diệu Khánh	Vân			8,0	v	8	○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	
							v		○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1)..... Chữ ký:	Họ, tên: Nguyễn Thị Hồng Nhung	Họ, tên:
2)..... Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

21001836

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Toán cao cấp C** Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **20CSH1** Ngày thi: **29/04/2021** Giờ thi: **10:15** Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
51	20180241	Phạm Ngọc Ngân	Hà			9,5	v	10	●	
52	20180242	Trần Lê Ngọc	Hà			5,5	v	5	●	
53	20180243	Huỳnh Thị	Hài			10,0	v	10	○	
54	20180244	Trương Văn Thanh	Hải			9,5	v	10	●	
55	20180245	Cổ Ngọc	Hân			3,5	v	3	●	
56	20180248	Hồ Hoài	Hân			8,5	v	8	●	
57	20180249	Nguyễn Thị Ngọc	Hân			9,0	v	9	○	
58	20180251	Đào Ngọc	Hằng			10,0	v	10	○	
59	20180253	Huỳnh Hồng	Hạnh			8,5	v	8	●	
60	20180254	Phạm Thị Minh	Hạnh			10,0	v	10	○	
61	20180255	Nguyễn Ngọc Thanh	Hiền			9,5	v	9	●	
62	20180256	Nguyễn Thị Thúy	Hiền			5,0	v	5	○	
63	20180257	Hoa Trương Minh	Hiếu			8,5	v	8	●	
64	20180258	Phan Văn	Hiếu			9,0	v	9	○	
65	20180259	Võ Trí	Hiếu			5,5	v	5	●	
66	20180260	Hoàng Thị	Hiệu			9,5	v	9	●	
67	20180261	Nguyễn Thị Như	Hoa			9,5	v	9	●	
68	20180262	Võ Thị Kim	Hoa			9,0	v	9	○	
69	20180263	Văn Minh	Hòa			10,0	v	10	○	
70	20180264	Vương Nguyễn Minh	Hòa			9,5	v	9	●	
71	20180265	Vương Vũ	Hoàng			10,0	v	10	○	
72	20180266	Ngô Thị Bách	Hợp			6,5	v	6	●	
73	20180267	Chung Huê	Huân			9,5	v	9	●	
							v		○	
							v		○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1). Nguyễn Hoàng Ngọc Phương Chữ ký:	Họ, tên: Nguyễn Thị Hồng Nhung	Họ, tên:
2). Trần Nguyễn Vũ Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

21001835

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Toán cao cấp C**

Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **20CSH1** Ngày thi: **29/04/2021** Giờ thi: **10:15** Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
26	20180209	Võ Tùng	Anh			9,5	v	9	●	
27	20180210	Vũ Thị Tú	Anh			8,0	v	8	○	
28	20180211	Đỗ Thị Ngọc	Ánh			8,0	v	8	○	
29	20180212	Nguyễn Thái	Bảo				●		○	
30	20180213	Trần Đức Hoàng	Bảo				●		○	
31	20180215	Lê Thị Thanh	Bình			10,0	v	10	○	
32	20180216	Nguyễn Ngọc Thanh	Bình				●		○	
33	20180217	Phạm Như	Bình			4,5	v	4	●	
34	20180218	Trần Minh	Cảnh			9,5	v	9	●	
35	20180219	Lê Khánh	Châu			8,5	v	8	●	
36	20180220	Võ Ngọc Quỳnh	Chi			9,0	v	9	○	
37	20180221	Nguyễn Trần Minh	Chí			9,5	v	9	●	
38	20180222	Châu Quốc	Cường			10,0	v	10	○	
39	20180224	Nguyễn Hoàng Bá	Đăng			6,5	v	6	●	
40	20180226	Bùi Thanh	Diễm			5,0	v	5	○	
41	20180227	Trần Thị Ngọc	Diệu			8,0	v	8	○	
42	20180228	Nguyễn Thúy	Đình			9,0	v	9	○	
43	20180230	Huỳnh Tấn	Du			5,5	v	5	●	
44	20180231	Thái Quốc	Dũng			9,0	v	9	○	
45	20180232	Lê Thị Thuỳ	Dương			10,0	v	10	○	
46	20180233	Nguyễn Thị Thùy	Dương			8,5	v	8	●	
47	20180234	Nguyễn Quốc	Duy			6,0	v	6	○	
48	20180238	Nguyễn Phạm Trường	Giang			9,0	v	9	○	
49	20180239	Nguyễn Thanh	Giàu			10,0	v	10	○	
50	20180240	Đoàn Hữu Lâm	Hà			10,0	v	10	○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Dương Thái Ngân Thy Chữ ký:	Họ, tên: Nguyễn Thị Hồng Nhung	Họ, tên:
2) Trần Nguyễn V.T Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

21001834

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/20-21

Tên học phần: **Toán cao cấp C** Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **20CSH1** Ngày thi: **29/04/2021** Giờ thi: **10:15** Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
1	20180165	Ngô Thiên	Thư			4,5	v	4		
2	20180168	Nguyễn Chí Hòa	Thuận			9,0	v	9		
3	20180176	Cao Hoàng Khánh	Trân			3,5	v	3		
4	20180177	Nguyễn Thị Thu	Trang			8,5	v	8		
5	20180179	Lê Trần Thanh	Trúc			7,5	v	7		
6	20180180	Bùi Trịnh	Trung			3,5	v	3		
7	20180182	Trần Anh	Tuấn			7,5	v	7		
8	20180183	Hồ Ngọc	Tuyền			6,0	v	6		
9	20180185	Nguyễn Phương	Uyên			10,0	v	10		
10	20180188	Nguyễn Võ Thảo	Vy			8,5	v	8		
11	20180189	Phan Trần Nhật	Vy			1,5	v	1		
12	20180190	Nguyễn Ngọc	Xuyến			7,0	v	7		
13	20180195	Lưu Hữu	Phước			7,5	v	7		
14	20180196	Lê Quốc	An			9,0	v	9		
15	20180197	Nguyễn Trần Thiên	Ân							
16	20180198	Trần Vũ Hồng	Ân			6,5	v	6		
17	20180199	Bùi Thị Ngọc	Anh			4,5	v	4		
18	20180200	Huỳnh Ngọc Quế	Anh			8,0	v	8		
19	20180202	Nguyễn Phúc Tài	Anh			9,5	v	9		
20	20180203	Nguyễn Quỳnh	Anh			9,5	v	9		
21	20180204	Phạm Thị Duy	Anh			10,0	v	10		
22	20180205	Phạm Thị Phương	Anh			9,5	v	9		
23	20180206	Phạm Thị Trang	Anh			10,0	v	10		
24	20180207	Trần Đỗ Vân	Anh			7,5	v	7		
25	20180208	Trần Thị Vân	Anh			10,0	v	10		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1). Ng. Hoàng Ngọc Phương Chữ ký:	Họ, tên: Nguyễn Thị Hồng Nhung	Họ, tên:
2). Trương Thùa Ngân Thy Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký: